

Bản án số: 213/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 11 - 2018
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Rục

Các Hội thẩm nhân dân:

. Ông Nguyễn Xuân Vinh.

. Bà Nguyễn Thị Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N- tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1073/2018/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2018/QĐXX-ST ngày 23 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Đỗ Thị Thu M**– sinh năm 1990; địa chỉ: 61/8 TP, phường VN, thành phố N, Khánh Hòa. Có mặt.

*** Bị đơn: Võ Duy T**– sinh năm 1984; địa chỉ: BD, phường VN, thành phố N, Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị Thu M trình bày: Tôi yêu cầu ly hôn với anh Võ Duy T. Tôi và anh T tự nguyện kết hôn năm 2007, đến năm 2011 đăng ký kết hôn tại UBND phường VN, Tp.N, tỉnh Khánh Hòa. Chúng tôi có hai con chung là Võ Duy P- sinh ngày 31/10/2007 và Võ Duy Ph- sinh ngày 15/12/2009. Cuộc sống chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng từ năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi lộn, không cùng quan điểm sống, anh T nghe lời mẹ thường đánh đập, đuổi tôi ra khỏi nhà, rất nhiều lần như vậy, vì con tôi cố nhẫn nhịn, khuyên giải nhưng anh T không sửa đổi. Hơn nửa năm trước, anh T và mẹ chồng đuổi tôi ra khỏi nhà, tôi phải về đất liền sống nhờ nhà mẹ đẻ. Mỗi lần điện thoại đề xin được ra thăm con thì anh T luôn chửi bới và đe dọa sẽ đánh nếu thấy tôi. Nay nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình

cảm không còn, tôi yêu cầu ly hôn. Về con chung, do tôi sống nhờ nhà ngoại chật hẹp, bản thân đi làm thuê nên khả năng nuôi con khó khăn, mặt khác các con tôi đều muốn sống cùng cha vì từ nhỏ đến giờ chúng sống cùng cha ở đảo đã quen và chúng hứa sẽ thường xuyên vào thăm tôi. Do đó tôi đồng ý để anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Tôi không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, chúng tôi không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Võ Duy T để lấy lời khai, tham gia hòa giải nhưng anh T đều không có mặt để làm việc theo giấy triệu tập của Tòa nên Tòa án không lấy được lời khai của anh T và cũng không hòa giải được vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Võ Duy T là bị đơn đã được Tòa án nhân dân thành phố N triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Võ Duy T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù không lấy được lời khai của bị đơn là anh Võ Duy T và tại phiên tòa bị đơn cũng vắng mặt nhưng theo lời khai của nguyên đơn thì chị M và anh T kết hôn tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường VN, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 124 ngày 22 tháng 7 năm 2011. Nên quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị Thu M và anh Võ Duy T được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa chị M giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Võ Duy T. Xét lời khai của chị M thì cuộc sống chung vợ chồng giữa chị M, anh T có nhiều mâu thuẫn và không tìm được phương pháp nào để tiếp tục sống chung với nhau nữa. Theo chị M thì do anh T nghe lời mẹ thường xuyên chửi bới, xúc phạm vợ và gia đình bên vợ, nhiều lần đánh, đuổi vợ ra khỏi nhà. Vì con, chị M đã khuyên nhủ nhiều nhưng anh T không thay đổi, anh T đuổi chị M về nhà ngoại sống gần năm nay. Việc vợ chồng chị M, anh T thường xảy ra mâu thuẫn, đánh đập nhau và hiện hai người không còn sống chung được chính quyền địa phương xác nhận. Nhận thấy không thể có hạnh phúc với người chồng như vậy, tình cảm không còn nên chị M yêu cầu ly hôn. Như vậy mâu thuẫn giữa chị M, anh T đã đến hồi trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết việc ly hôn giữa hai người nhưng anh T đều không có mặt để làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Điều đó chứng tỏ anh T không quan tâm gì đến cuộc hôn nhân này nữa. Việc chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Duy T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của chị M.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị M, anh T có hai con chung, theo chị M thì cả hai cháu hiện đang sống cùng cha, chính quyền địa phương cũng xác nhận điều này. Chị M xác định hiện hoàn cảnh khó khăn, không có nhà ở, phải đi làm thuê nên việc nuôi dạy con khó khăn đồng thời chị M không muốn thay đổi môi trường sống, học tập của các con nên chị M đồng ý để anh T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Mặt khác, cả hai cháu P,

Ph đều có lời khai là muốn được sống cùng với ba nếu ba, mẹ ly hôn vì từ nhỏ đến giờ sống cùng ba và nội đã quen. Do vậy cần giao cả hai con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên là xác đáng, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị đơn anh Võ Duy T đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc kiện của nguyên đơn và Tòa án cũng không hòa giải được vụ án. Vì vậy không có cơ sở để giải quyết yêu cầu của anh Võ Duy T.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị Thu M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Chị Đỗ Thị Thu M được ly hôn với anh Võ Duy T.

- Giao hai con chung là Võ Duy P- sinh ngày 31/10/2007 và Võ Duy Ph- sinh ngày 15/12/2009 cho anh Võ Duy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên. Chị Đỗ Thị Thu M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị M, anh T đều có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị Thu M không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định nợ chung không có nên Tòa không xét.

2. Về án phí: Chị Đỗ Thị Thu M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị M đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0009558 ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N. Chị Đỗ Thị Thu M đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- . Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- . Viện kiểm sát nhân dân Tp.N;
- . UBND phường VN, Tp.N;
- (Đăng ký kết hôn ngày 22/7/2011);
- . Thi hành án dân sự Tp.N;
- . Dương sự;
- . Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Rực